

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 84/2022/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 06 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 64/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Khóa XIX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HU, HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo tỉnh; Báo Nam Định;
- Website Chính phủ; Website tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Quốc Chính

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh Nam Định

*(Kèm theo Nghị quyết số 84/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về nội dung, mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kì thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Nam Định:

- Thi tốt nghiệp trung học phổ thông.
- Thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.
- Thi tuyển sinh đầu cấp.
- Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh các môn văn hóa.

2. Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố Nam Định, các cơ sở giáo dục, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo được giao theo phân cấp và theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý kinh phí

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng chế độ.

2. Việc lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, chế độ kế toán.

3. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

Điều 5. Mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kì thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông: Thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, thi tuyển sinh đầu cấp, thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh các môn văn hóa

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)
I	Chi tiền công cho các chức danh		
1	Thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi		
1.1	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	450
1.2	Phó Chủ tịch Thường trực/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	400
1.3	Phó Chủ tịch/Phó ban	Người/ngày	350
1.4	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong 24/24h)	Người/ngày	250
1.5	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150
1.6	Bảo vệ, nhân viên phục vụ vòng ngoài	Người/ngày	150
2	Thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi		
2.1	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	400
2.2	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	350
2.3	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	250
2.4	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ vòng ngoài	Người/ngày	150
3	Thành viên Ban/Tổ vận chuyển đề thi		
3.1	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	350
3.2	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	320
3.3	Ủy viên	Người/ngày	250
3.4	Công an bảo vệ	Người/ngày	150
4	Thành viên Ban Chỉ đạo thi		
4.1	Trưởng ban	Người/ngày	400
4.2	Phó Trưởng ban Thường trực/Phó Trưởng ban	Người/ngày	350

4.3	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	250
4.4	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	150
5	Thành viên Hội đồng thi		
5.1	Chủ tịch Hội đồng thi	Người/ngày	400
5.2	Phó Chủ tịch Thường trực/Phó chủ tịch	Người/ngày	350
5.3	Ủy viên	Người/ngày	250
6	Thành viên Ban Thư ký Hội đồng thi		
6.1	Trưởng ban	Người/ngày	350
6.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	300
6.3	Ủy viên	Người/ngày	250
7	Thành viên Hội đồng/Ban Coi thi/Điểm thi		
7.1	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng Ban, Điểm thi	Người/ngày	350
7.2	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó trưởng Ban, Điểm thi	Người/ngày	300
7.3	Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	250
7.4	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	150
8	Thành viên Ban/Tổ làm phách		
8.1	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	350
8.2	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	300
8.3	Ủy viên, thư ký, công an, nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	250
8.4	Công an, nhân viên phục vụ bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150
9	Thành viên Hội đồng/Ban Chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi		
9.1	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	350
9.2	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	320
9.3	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	300

9.4	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	280
9.5	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, y tế	Người/ngày	150
II	Tiền công ra đề thi		
1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
1.1	Chủ trì/Trưởng ban	Người/ngày	300
1.2	Các Ủy viên/thành viên	Người/ngày	250
2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận		
2.1	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp	Đề	500
2.2	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đề theo phân môn	500
2.3	Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực	Đề theo phân môn	800
3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm		
3.1	Thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT chuyên		
	- Trắc nghiệm	Người/ngày	350
	- Tự luận	Người/ngày	500
3.2	Thi lập đội tuyển học sinh giỏi dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia		
	- Trắc nghiệm	Người/ngày	400
	- Tự luận	Người/ngày	700
3.3	Thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT không chuyên; Thi tuyển sinh cấp THCS; Thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh		
	- Trắc nghiệm	Người/ngày	250
	- Tự luận	Người/ngày	450
III	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
1.1	Chủ trì	Người/ngày	250
1.2	Thành viên	Người/ngày	230
2	Tiền công đối với câu hỏi		

2.1	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	50
2.2	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	45
2.3	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	40
2.4	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	35
2.5	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	5
3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm		
3.1	Chủ trì/Trưởng ban	Người/ngày	400
3.2	Thành viên/Uỷ viên	Người/ngày	300
IV	Tiền công chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm; Chấm phúc khảo bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm		
1	Thi tuyển sinh vào lớp 10 Trung học phổ thông không chuyên	Người/ngày	350
2	Thi tuyển sinh vào lớp 10 Trung học phổ thông chuyên	Người/ngày	400
3	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Người/ngày	500
4	Thi học sinh giỏi cấp huyện	Người/ngày	400
5	Thi tốt nghiệp Trung học phổ thông	Người/ngày	400
6	Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Người/ngày	500
V	Các nhiệm vụ chi khác có liên quan		
1	Chi phụ cấp trách nhiệm thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (Chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm)		
	Trưởng đoàn	Người/ngày	350
	Phó Trưởng đoàn	Người/ngày	320
	Thành viên đoàn	Người/ngày	280
	Thanh tra độc lập	Người/ngày	300

2	Tiền công những người tham gia chuẩn bị dữ liệu, bì đựng đề thi, phiếu trả lời trắc nghiệm phục vụ coi thi và các hội đồng cách ly; in ấn hồ sơ, kết quả thi, tổng hợp số liệu báo cáo; dữ liệu in bằng, in bằng tốt nghiệp, in kết quả thi, chứng nhận kết quả thi...		
2.1	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	240
2.2	Phó ban/Tổ phó	Người/ngày	200
2.3	Ủy viên	Người/ngày	180
3	Tiền công Hội đồng/Ban xét tốt nghiệp		
3.1	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	350
3.2	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó trưởng ban	Người/ngày	300
3.3	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	250
4	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly; Người tham gia bảo vệ đề thi, bài thi 24/24 giờ tại Hội đồng/Ban coi thi, Hội đồng/Ban chấm thi		
4.1	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách		Bằng 150% mức chi quy định tại Nghị số 74/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định
4.2	Chi tiền ăn tiền giải khát giữa giờ trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách)		Thực hiện theo NQ số 74/2017/NQ-HĐND
4.3	Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho những người tham gia bảo vệ đề thi, bài thi 24/24 giờ tại Hội đồng/Ban coi thi, Hội đồng/Ban chấm thi		Thực hiện theo NQ số 74/2017/NQ-HĐND

Điều 6. Tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của tỉnh

Mức chi cụ thể cho từng nội dung không vượt quá 70% mức chi quy định tại Điều 5 Quy định này. Căn cứ khả năng ngân sách đã được bố trí trong dự toán được giao và tính chất của từng kỳ thi, cuộc thi, hội thi, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức quyết định mức chi cụ thể./.